

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2019/DS-ST**

Ngày: 29-11-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Vinh

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V(V).

Trụ sở: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Đỗ Thành T. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP V kiêm Phó giám đốc Pháp chế và kiểm soát tuân thủ, V hội sở (theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

+ Ông Hà Xuân D. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – V AMC. Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 8686/2019/UQ-VPB ngày 15/3/2019).

+ Ông Phan Thanh H. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – V AMC. Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 8686/2019/UQ-VPB ngày 15/3/2019).

Bị đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T1, huyện T1, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Tr, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D, ông H, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2019, các lời khai tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần Vdo ông Hà Xuân D đại diện trình bày:

Ông Phan Văn Đ và Ngân hàng thương mại cổ phần V(V) đã ký Hợp đồng tín dụng số 3165874 căn cứ theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 25/3/2015 của ông Phan Văn Đ. Số tiền vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 27%/năm, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 06/4/2015, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 79435902 của ông Đ mở tại V. Sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm 3.360.000 đồng thì ông Đ đã rút trực tiếp tiền mặt tại Ngân hàng số tiền 66.590.000 đồng từ tài khoản số 79435902 của ông Đ mở tại V. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng vay số tiền nêu trên, ông Đ đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 73.793.806 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 29.557.352 đồng và tiền lãi là 44.236.454 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 8 Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Đ phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 29/11/2019 là 108.239.408 đồng, trong đó tiền gốc là: 40.442.648 đồng và tiền lãi là 67.796.760 đồng.

Ông Hà Xuân Dũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/11/2019.

Ông Phan Văn Đ có ý kiến trình bày: Ông xác nhận vào năm 2015 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Ông Đ không nhớ lãi suất vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là bao nhiêu, chỉ nhớ lúc tư vấn cán bộ tín dụng nói lãi suất là 11%/năm. Ông Đ xác nhận chữ ký trong hợp đồng tín dụng (đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng

tín dụng ngày 24/3/2015) là đúng chữ ký của ông Đ. Ông Đ được Ngân hàng giải ngân bằng hình thức rút tiền mặt trực tiếp tại Ngân hàng.

Sau khi nhận tiền giải ngân, hàng tháng ông Đ đều đóng số tiền 2.500.000 đồng tiền gốc và lãi theo thông báo qua tin nhắn điện thoại của Ngân hàng. Còn cụ thể lãi, gốc như thế nào ông Đ không biết. Do gặp khó khăn về kinh tế nên ông Đ không trả nợ đều cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông Đ có ý kiến như sau: Ông đồng ý trả tiền nợ cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn (ông là lao động chính trong gia đình, đang nuôi cha mẹ già và con nhỏ, đã ly hôn vợ) nên ông xin được trả tiền gốc, đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi cho ông.

Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Vkhởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Đ thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25/3/2015 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn ông Phan Văn Đ có địa chỉ thường trú tại thôn T, xã T1, huyện T2, tỉnh Nghệ An và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông Đ đang sinh sống tại ấp Tr, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, trong đó đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Xuân D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V:

Xét Hợp đồng tín dụng số 3165874 được ký kết ngày 25/3/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn: Hợp đồng này đúng nguyên tắc, tuân thủ đầy đủ hình thức theo quy định của Bộ luật dân sự. Theo nội dung hợp đồng thì Ngân hàng TMCP V đã cho bị đơn vay số tiền là 70.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là

27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay: 48 tháng; Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ số tiền 66.590.000 đồng sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm 3.360.000 đồng. Khi cho vay hai bên không cầm cố hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng vay số tiền nêu trên, ông Đ đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 73.793.806 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 29.557.352 đồng và tiền lãi là 44.236.454 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 8 Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Đ phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 29/11/2019 là 108.239.408 đồng, trong đó tiền gốc là: 40.442.648 đồng và tiền lãi là 67.796.760 đồng.

Tại hồ sơ, ông Đ thừa nhận có ký hợp đồng với Ngân hàng để vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng ông Đ thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên ông có ý kiến xin được trả gốc và miễn tiền lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Phan Văn Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền 108.239.408 đồng, trong đó tiền gốc là: 40.442.648 đồng và tiền lãi là 67.796.760 đồng.

[4] Về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Phan Văn Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử buộc ông Phan Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền nợ gốc và lãi là 108.239.408 đồng (một trăm lẻ tám triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm lẻ tám đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc là: 40.442.648 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng)

Nợ lãi là 67.796.760 đồng (sáu mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phan Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Phan Văn Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Phan Văn Đ phải chịu 5.411.970 đồng (năm triệu, bốn trăm mười một nghìn, chín trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.748.000 đồng (hai triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000942 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Phan Văn Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang